TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HOÁ** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/5/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tưởng Thị Thu và ông Nguyễn Xuân Tuyến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lương Chung Duy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 332/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị K, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Làng Đ, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.
Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Làng Đ, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Hà Thị K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn Q được tự do tìm hiểu, cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán và tự nguyện chung sống với nhau từ khoảng giữa năm 2009, đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa P. Sau khi kết hôn chị và anh Q cùng chung sống tại địa chỉ thôn Làng Đ, xã Hòa P, huyện

Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng tháng 7/2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là cả hai bất đồng quan điểm sống, anh Q thường uống rượu say rồi chửi, đánh chị. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q tỏ thái độ khó chịu, chửi lại chị. Gia đình hai bên có biết chuyện chị và anh Q xảy ra mâu thuẫn tình cảm, có khuyên bảo anh Q nhưng anh Q vẫn không chịu thay đổi. Trong suốt quá trình chung sống, anh Q thường xuyên lặp lại các hành vi trên. Do không chịu đựng được nên đến năm 2019, chị và anh Q bắt đầu sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Càng N, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang sinh sống. Trong suốt thời gian đó chị và anh Q không liên lạc hay phát sinh bất cứ tình cảm nào. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn Q.

- Về con chung: Chị và anh Hà Văn Q có 02 con chung là Hà Đức T sinh ngày 30/01/2010 và Hà Đức H sinh ngày 14/7/2011, hiện nay cháu T và cháu H đang sống cùng với anh Q, ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết anh Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn với mức 2.500.000 đồng/02 cháu/tháng, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình anh Hà Văn Q được biết: Chị Hà Thị K và anh Hà Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Làng Đ, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Chị K và anh Q được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa P, huyện Chiêm H năm 2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là chị K đi làm ăn xa nhà, vợ chồng ít khi gặp nhau, do đó tình cảm vợ chồng ít đi, hay cãi chửi nhau. Từ lúc phát sinh mâu thuẫn tình cảm, chị K rất ít khi về nhà thăm con, gia đình, có năm chỉ về một đến hai lần. Gia đình hai bên có biết chuyện chị K và anh Q xảy ra mâu thuẫn tình cảm, có khuyên bảo nhưng chị K nói rằng không cần gia đình can thiệp giải quyết. Chị K và anh Q bắt đầu sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Hiện nay anh Q đi làm ăn tại H Phòng, nhưng không biết địa chỉ cụ thể, quá trình giải quyết vụ án, gia đình đã chuyển lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Q, do anh Q đang đi làm ăn xa, không thể về tham gia làm việc tại Tòa án; về con chung: Chị K và anh Q có 02 con chung là Hà Đức H, sinh ngày 14/7/2011 và Hà Đức T, sinh ngày 30/01/2010; về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Văn Q đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị K vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, chị K đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh

Hà Văn Q; về con chung: Chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Hà Đức T, sinh ngày 30/01/2010 và Hà Đức H, sinh ngày 14/7/2011, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị K, cho chị Hà Thị K được ly hôn anh Hà Văn Q; về con chung: Giao 02 con chung là Hà Đức T, sinh ngày 30/01/2010 và Hà Đức H, sinh ngày 14/7/2011 cho chị Hà Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Hà Văn Q không pH cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; về tài sản chung, vay nợ chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét; về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hà Thị K phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu, kiến nghị: Quá trình xem xét hồ sơ thấy chị Hà Thị K, sinh ngày 18/05/1993; cháu Hà Đức T, sinh ngày 30/01/2010. Như vậy, chị K sinh cháu T khi mới 16 tuổi 08 tháng 12 ngày. Theo lời khai chị K, thì chị K và anh Hà Văn Q quan hệ tình dục đồng thuận khi chị K đã trên 16 tuổi và cháu Hà Đức T bị đẻ thiếu tháng, nhưng chị K không có tài liệu, giấy tờ gì chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa chuyển hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa để điều tra, xác minh theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Hà Văn Q có hộ khẩu thường trú tại thôn Làng Đ, xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án xác minh thể hiện anh Hà Văn Q đi làm ăn xa nhà, nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh Q đang ở đâu, làm gì. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Q, anh Q không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị K vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hà Văn Q đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

- Về hôn nhân: Chị Hà Thị K và anh Hà Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang ngày 07/7/2017, do vậy quan hệ hôn nhân của chị K và anh Q là hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị Hà Thị K và anh Hà Văn Q chung sống tại thôn Làng Đẩu, xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chị K và anh Q chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong đời sống, anh Q thường uống rượu say rồi chửi, đánh chị K. Chị K đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q tỏ thái độ khó chịu, chửi chị K. Chị K đã cố gắng chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng vẫn không hòa thuận được. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng chị K và anh Q vẫn không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh Q đã rất trầm T, mâu thuẫn đã diễn ra trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, xử cho chị K được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị K và anh Q có 02 con chung là Hà Đức T, sinh ngày 30/01/2010 và Hà Đức H, sinh ngày 14/7/2011. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị K đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu T, chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Cháu T và cháu H có ý kiến được ở với anh Q, tuy nhiên xét thấy anh Q hiện đang đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao 02 con chung là Hà Đức T và Hà Đức H và cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Hà Thị K phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Hà Văn Q không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[5]. Về yêu cầu, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa chuyển hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa để điều tra, xác minh làm rõ. HĐXX sẽ thực hiện theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị K được ly hôn anh Hà Văn Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Hà Đức T, sinh ngày 30/01/2010 và Hà Đức H, sinh ngày 14/7/2011 cho chị Hà Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Hà Văn Q không pH cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hà Thị K phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006085 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị K đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- THADS huyện Chiêm Hóa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Hòa Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Thị Thu **Nguyễn Xuân Tuyến** **Hoàng Mạnh Tuấn**